

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 02 - 4 - 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Truyền.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2017/TLST - HNGĐ, ngày 07/11/2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số XX Lô Y, Cư xá Đ, đường L, Phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp Phước K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 12/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày: Bà và ông Trần Hữu T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm, không chịu lao động và thường hay bạo hành đối với bà, sống chung với người phụ nữ khác, đến năm 2011 thì vợ chồng sống ly thân, năm 2013 ông bà đã làm đơn thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó ông T không đến Tòa án làm việc. Nay bà xin ly hôn với ông T. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Trần Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Bùi Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Bùi Thị Thu H có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thu H với ông Trần Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/4/2003. Do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo bà H trình bày thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm, không chịu lao động và thường hay bạo hành đối với bà, sống chung với người phụ nữ khác, đến năm 2011 thì sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông T chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã từng làm đơn thuận tình ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết nhưng không thành do ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, thời gian sống ly thân ông bà cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông T đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với bà H, mục đích để ông bà hàn gắn nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông T có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng bà H, ông T là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà H trình bày không có, đối với ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định ông bà có con chung, tài sản chung và nợ chung không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí: Bà Bùi Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Thu H.

Bà Bùi Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Hữu T.

[2] Về nuôi con chung: Bà H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn bà Bùi Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND Phường Z, Quận J, Thành phố
Hồ Chí Minh (ĐKKH số xx, quyền số xx,
ngày 22/4/2003) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện